

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5-VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2026/HS-ST
Ngày: 22/01/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5-VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Trình

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Hải Vân
2. Ông Trần Trọng Vũ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Vương - Thư ký viên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5-Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hiền Mụi - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5-Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 70/2025/TLST-HS ngày 26/12/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2026/QĐXXST-HS ngày 08/01/2026 đối với các bị cáo:

1. Lê Hoàng K, sinh ngày 04/9/1993 tại tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: ấp H, xã P, tỉnh Vĩnh Long; căn cước công dân số: 083093007589; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: không; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hữu H và bà Nguyễn Thị Kiều T; bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án: Bản án Số 103/2023/HS-ST ngày 07/12/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 5) tuyên phạt Lê Hoàng K 01 năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/10/2024;

Tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12/9/2025 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Kha Nhựt T1, sinh ngày 05/4/1993 tại tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: số C, khu phố E, phường P, tỉnh Vĩnh Long; căn cước công dân số: 083093015757; trình độ văn hóa: 6/12; nghề nghiệp: không; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Kha T2 và bà Ngô Thị Minh P; bị cáo từng có vợ tên Võ Thị Lê H1 (đã ly hôn); con: có 01 người con sinh năm 2019; tiền án: không; tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12/9/2025 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Nhựt K1, sinh ngày 28/9/1995 tại tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: ấp T, xã P, tỉnh Vĩnh Long; căn cước công dân số: 083095011522; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: không; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con

ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị L; bị cáo từng có vợ tên Nguyễn Hoàng Linh C (đã ly hôn); bị cáo không có con.

Tiền án: Bản án Số 21/2024/HS-ST ngày 17/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 6-Vĩnh Long) tuyên phạt Nguyễn Nhựt K1 01 năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/6/2025;

Tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 03/4/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 6-Vĩnh Long) xử phạt 9 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12/9/2025 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Phong P1, sinh ngày 02/02/1994 tại tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: số D, khu phố D, phường S, tỉnh Vĩnh Long; căn cước công dân số: 083094007266; trình độ văn hóa: 8/12; nghề nghiệp: không; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S (đã chết) và bà Lê Thị Trúc L1; vợ: Lê Thị Thùy L2; con: có 01 người con sinh năm 2022; tiền án: không; tiền sự: không. Bị cáo bị C1 đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/10/2025 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

-Bị hại:

1. Lê D, sinh năm 1998; nơi cư trú: Khu phố B, phường B, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt

2. Đoàn Quốc V, sinh năm 1996; nơi cư trú: ấp T, xã A, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt

3. Trần Thị Mỹ H2, sinh năm 2005; nơi cư trú: ấp P, xã G, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt

4. Phạm Hoàng D1, sinh năm 1951; nơi cư trú: Khu phố M, phường B, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Huỳnh Thanh G, sinh năm 1988; nơi cư trú: ấp P, xã A, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt

2. Ngô Minh H3, sinh năm 1962; nơi cư trú: Khu phố F, phường P, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt

3. Đỗ Hoàng S1, sinh năm 1997; nơi cư trú: Khu phố T, phường B, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt

4. Lê Hoàng K, sinh năm 1999; nơi cư trú: ấp T, xã Q, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt:

Để có tiền tiêu xài cá nhân nên ngày 18/7/2025 trên địa bàn phường B và các ngày 24/7/2025, 21/8/2025 trên địa bàn xã G, tỉnh Vĩnh Long, Lê Hoàng K cùng với Kha Nhựt T1 thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản. Ngoài ra, ngày 29/8/2025, trên địa bàn phường B, tỉnh Vĩnh Long, Lê Hoàng K cùng với Nguyễn Nhựt K1 thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản, bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Cụ thể:

Vụ thứ 1: Khoảng 01 giờ 05 phút, ngày 18/7/2025, Kha Nhựt T1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Ecxiter (không rõ biển số) chở Lê Hoàng K từ khu vực cầu H đến phường B để tìm tài sản lấy trộm. Khi đi ngang nhà trọ K3 ở khu phố B, phường B, tỉnh Vĩnh Long thấy bên trong sân nhà trọ có dựng nhiều xe mô tô nhưng không có người trông coi nên T1 và K cùng nảy sinh ý định lấy trộm xe. Sau đó, T1, K dùng tay đỡ cánh cửa cổng rào đang khoá lên và T1 trực tiếp vào trong lấy trộm 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Winer, Biển số 71C3-357.69 của anh Lê Duy D2 ra ngoài rồi cả hai cùng đẩy xe trên đến gửi nhà ông Ngô Minh H3 ở Khu phố F, phường P, tỉnh Vĩnh Long. Tại nhà ông H3, T1 đã tháo bỏ Biển số 71C3-357.69 và thay bằng Biển số 71C2- 706.75 mua ở nhà ông H3 với số tiền 50.000 đồng, T1 sơn lại xe màu khác và chà số máy, số khung tránh bị phát hiện để T1 sử dụng xe trên làm phương tiện đi lại. Đến ngày 09/9/2025, khi T1 đang điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Winer, Biển số G đến khu vực Khu phố E, phường P, tỉnh Vĩnh Long thì bị Lực lượng Công an phường B, tỉnh Vĩnh Long phát hiện và thu giữ vật chứng.

Vật chứng thu giữ: 01 đoạn dữ liệu camera ghi lại hình ảnh T1 và K lấy trộm xe trên; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Winer, màu đen, số khung: 2603GY392681, số máy: KC2E1238945, gắn Biển số 71C2- 706.75. Biển số xe 71C3-357.69 chưa thu hồi được.

Tại Bản kết luận định giá tài sản Số 51/KL-HĐĐGTS ngày 28 tháng 08 năm 2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng Hình sự tỉnh Vĩnh Long, kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, Biển số 71C3-357.69; số loại Winner; màu sơn: đen; dung tích 149cm³; số khung: 2603GY392681, số máy: KC2E1238945, đăng ký lần đầu ngày 29/01/2019 có giá trị tại thời điểm ngày 18/7/2025 là 14.666.000 đồng.

Tại Bản kết luận giám định Số 298/KL-KTHS-KV1 ngày 21 tháng 10 năm 2025 của Phòng K4 Công an tỉnh V về dấu vết cơ học đối với xe mô tô, gắn Biển số: 71C2-706.75, nhãn hiệu HONDA Kết luận: Số khung bị gỉ sét, không bị cắt, hàn tại vị trí đóng số. Sau khi giám định số khung đọc được là: RLHKC2603GY392681; Số

máy bị mài mòn, đục phá số. Số máy sau khi giám định đọc được là: KC26E1238945.

Quá trình điều tra Kha Nhựt T1 và Lê Hoàng K đều khai nhận hành vi phạm tội của mình. Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Winer, Biển số 71C3-357.69 do bị hại Lê D đứng tên chủ sở hữu, hiện tại đã mất B số xe 71C3-357.69 nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh V đã trả 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Winner, không gắn biển số cho bị hại Lê D là phù hợp. Bị hại D đã nhận lại xe và không yêu cầu T1, K bồi thường gì thêm.

Đối với Biển số xe 71C2- 706.75 qua tra cứu do anh Nguyễn Văn T3 đứng tên chủ sở hữu, qua làm việc anh T3 khai nhận hiện đang sử dụng biển số xe trên, không bị mất biển số.

Vụ thứ 2: Vào khoảng 02 giờ 30 phút, ngày 24/7/2025, Kha Nhựt T1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Winer, Biển số 71C2- 706.75 (xe lấy trộm vào ngày 18/7/2025) chở Lê Hoàng K từ địa bàn phường B đến địa bàn xã G để tìm tài sản lấy trộm. Khi cả hai đi ngang nhà trọ K5 ở ấp Q, xã G, tỉnh Vĩnh Long thì T1 và K phát hiện bên trong sân nhà trọ có dựng 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter, Biển số 71B2-802.38 của anh Đoàn Quốc V nhưng không có người trông coi nên T1 và K nảy sinh ý định lấy trộm xe. Do cổng không khóa nên K đứng bên ngoài canh gác, T1 lén lút vào trong sân lấy trộm xe trên rồi tẩu thoát. Sau khi lấy trộm được xe K đem đến bán cho anh Huỳnh Thanh G được số tiền 1.800.000 đồng (anh G không biết xe do trộm cắp mà có), chia mỗi người 900.000 đồng, lấy tiền tiêu xài cá nhân hết.

Vật chứng thu giữ: 01 đoạn dữ liệu camera ghi lại hình ảnh T1 và K lấy trộm xe trên; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter màu trắng xanh; không gắn biển số; số khung 1340GY008418; số máy E3S1E032271; 01 Giấy đăng ký xe mô tô Biển số 71B2-802.38 do anh Đoàn Quốc V đứng tên chủ sở hữu.

Biển số xe 71B2-802.38 chưa thu hồi được.

Kết luận định giá tài sản Số 398/KL-HĐĐGTS ngày 15/10/2025 của Hội đồng định giá – UBND tỉnh V kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter màu trắng – xanh, Biển số 71B2-802.38 trị giá 6.166.000 đồng.

Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter, Biển số 71B2-802.38 qua tra cứu do Đoàn Quốc V đứng tên chủ sở hữu, hiện đã mất Biển số xe 71B2-802.38 nên Cơ quan điều tra đã trả 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter; không gắn biển số và 01 Giấy đăng ký xe mô tô Biển số 71B2-802.38 cho bị hại Đoàn Quốc V. Hiện anh V đã nhận lại xe và không yêu cầu T1, K bồi thường gì thêm. Anh Huỳnh Thanh

G yêu cầu T1 và K trả lại tiền bán xe là 1.800.000 đồng, T1 và K đồng ý nhưng chưa bồi thường.

Vụ thứ 3: Vào khoảng 00 giờ 05 phút, ngày 21 tháng 8 năm 2025, Kha Nhựt T1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Winer, Biển số 71C2- 706.75 (xe lấy trộm vào ngày 18/7/2025) chở Lê Hoàng K từ địa bàn phường B đến địa bàn xã G để tìm tài sản lấy trộm. Khi cả hai đi ngang nhà trọ H5 ở ấp P, xã G, tỉnh Vĩnh Long thì T1 và K nhìn thấy bên trong sân nhà trọ có dựng 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Vision, Biển số 71AB-033.11 của chị Trần Thị Mỹ H2 nhưng không có người trông coi nên T1 và K cùng nảy sinh ý định lấy trộm xe. Do cổng không khóa nên T1 đứng bên ngoài canh gác, K lén lút vào trong sân lấy trộm xe trên rồi tẩu thoát. Đến khoảng 04 giờ sáng cùng ngày, K mượn điện thoại di động của T1 gọi cho Nguyễn Phong P1 để bán xe vừa lấy trộm với tình trạng xe không có giấy tờ, không có chìa khóa. Mặc dù P1 biết xe do trộm cắp mà có nhưng P1 vẫn đồng ý mua với số tiền 6.000.000 đồng. Sau đó, K chia cho T1 3.000.000 đồng, còn lại 3.000.000 đồng Khang tiêu xài cá nhân hết. Do mua xe không có chìa khóa nên sau khi mua được xe, P1 đã thuê Lê Hoàng K2 (là thợ sửa xe) về làm lại chìa khóa xe. Khoảng 04 ngày sau, P1 đã bán xe trên cho một người nữ tên N1 (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) được số tiền 6.500.000 đồng, lấy tiền tiêu xài cá nhân hết.

Vật chứng thu giữ: 01 đoạn dữ liệu camera ghi lại hình ảnh T1 và K lấy trộm xe trên; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax màu xanh xám; số máy: MWHH2VN/A; số sê ri F2LZW3HPN70W; gắn sim số 0358463585 của Nguyễn Phong P1. Xe mô tô nhãn hiệu Vision, Biển số 71AB-033.11 chưa thu hồi được.

Kết luận định giá tài sản Số 400/KL-HĐĐGTS ngày 15/10/2025 của Hội đồng định giá – UBND tỉnh V kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Vision màu trắng, Biển số 71AB-033.11 trị giá 25.666.000 đồng.

Bị hại Trần Thị Mỹ H2 yêu cầu T1, K bồi thường giá trị chiếc xe bị mất trộm là 25.666.000 đồng, T1 và K đồng ý nhưng chưa bồi thường. Đối với điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 của Nguyễn Phong P1 đang tạm giữ chưa xử lý. Số tiền thu lợi bất chính 6.500.000 đồng Cơ quan điều tra đã yêu cầu P1 giao nộp nhưng hiện tại P1 chưa giao nộp.

Vụ thứ 4: Khoảng 15 giờ 05 phút, ngày 29/8/2025, Lê Hoàng K điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius (không rõ biển số) chở Nguyễn Nhựt K1 trên địa bàn phường B để tìm tài sản lấy trộm. Khi đi ngang nhà ông Phạm Hoàng D1 thì K và K1 nhìn thấy cổng nhà khóa, bên trong sân có cây mai nên cả hai cùng nảy sinh ý định lấy trộm cây mai. Sau đó, K1 leo rào vào bên trong còn K đứng phía ngoài để canh gác. K1 dùng cây sừa mang theo để búng cây mai nhưng gốc mai to

nên không bung trộm mai. Sau khi quan sát, K1 thấy xung quanh nhà các cửa đều khoá nên nảy sinh ý định vào nhà lấy trộm. K1 kêu K chuyển cây kiềng vô để K1 bẻ khoá cửa. Sau đó, K1 đột nhập vào bên trong nhà lấy trộm hai vỏ chai nước hoa, bắt một con chim cu của anh D1. Do thấy phòng ngủ khoá, K1 muốn đột nhập vào trong nên K1 xuống nhà sau lấy một con dao của anh D1 tiếp tục cạy cửa phòng ngủ thì thấy có một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Airblade, Biển số 71B2- 763.79 đang cắm sắn chìa khoá nên K1 ra ngoài rủ K vào cùng lấy trộm xe, K đồng ý. K1 dùng mỏ lết mang theo sắn bẻ khoá cổng rào cho K chạy xe trên ra ngoài tẩu thoát. Lúc này, K1 lấy thêm một cái chậu kiềng của anh D1 đem về gửi nhà Dương Quốc H4, còn con chim cu lấy trộm K1 bỏ trong túi lưới treo trên cây phía bên ngoài nhà Lương Văn T4. Lấy trộm xe xong K điều khiển xe trên chạy về nhà trọ B1 ở phường B, tỉnh Vĩnh Long nhờ Đỗ Hoàng S1 bán giúp xe trên (S1 không biết xe K nhờ bán là xe trộm cắp mà có). Nghe vậy, L3 (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) là bạn của S1 đã bán giúp xe trên cho K được số tiền 2.300.000 đồng. Khang cho S1 600.000 đồng, cho K1 số tiền 850.000 đồng, còn lại K tiêu xài cá nhân hết.

Vật chứng thu giữ: 01 mỏ lết bằng kim loại đã qua sử dụng có chiều dài 25cm; 01 cái chậu kiềng, tráng men; 01 (một) con chim cu; 01 xe mô tô gắn Biển số 51U6-4103, nhãn hiệu Airblade có số khung: RLHJF4603DY546896 và số máy JF46E-4103906. Biển số xe 71B2- 763.79 không thu hồi được.

Tại bản Kết luận định giá tài sản Số 705/KL-HĐĐGTS ngày 10/9/2025 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân tỉnh V kết luận: một xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda màu sơn đỏ đen, Biển số đăng ký 71B1-763.79, số máy: JF46E0015899, số khung: 4607DY015832, số loại Airblade, xe đăng ký lần đầu vào ngày 06/02/2012 có giá 13.666.000 đồng.

Tại bản Kết luận định giá tài sản Số 1723/KL-HĐĐGTS ngày 02/12/2025 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong Tổ tụng hình sự - UBND phường B kết luận: một con chim cu trị giá 100.000 đồng, 01 cái chậu kiềng trị giá 20.000 đồng, 02 lọ nước hoa không xác định giá trị. Tổng cộng: 120.000 đồng. Tổng giá trị tài sản K và K1 lấy trộm trong vụ trộm trên là: 13.786.000 đồng.

Tại Bản kết luận giám định Số 297/KL-KTHS-KV1 ngày 21 tháng 10 năm 2025 của Phòng K4 Công an tỉnh V về dấu vết cơ học đối với xe mô tô, gắn Biển số: 51U6-4103, nhãn hiệu AIRBLADE kết luận: Số khung: RLHJF4603DY546896 là số cắt hàn ghép. Sau khi giám định không xác định được số khung nguyên thủy của xe. Số máy: JF46E-4103906 là số cắt hàn ghép. Sau khi giám định không xác định được số máy nguyên thủy của xe.

Xe mô tô, nhãn hiệu Honda, loại Airblade, Biển số 71B1-763.79 do anh Phạm Hoàng D1 đứng tên chủ sở hữu. Hiện tại xe đã bị mất biển số nên Cơ quan điều tra đã trả 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda, loại Airblade, không gắn biển số; 01 cái chấu kiềng; 01 con chim cu cho bị hại Phạm Hoàng D1. Bị hại Phạm Hoàng D1 đã nhận lại các tài sản bị mất và không yêu cầu K, K1 bồi thường gì thêm. Đối với 01 mô-lêch bằng kim loại đây là công cụ của K1 dùng vào việc phạm tội nên tiếp tục tạm giữ phục vụ công tác truy tố, xét xử là phù hợp.

Đối với Biển số xe 51U6-4103 qua tra cứu do chị Lê Thị Liễu C2 đứng tên chủ sở hữu. Qua làm việc chị C2 hiện đang sử dụng biển số xe trên, không bị mất biển số. Do vậy tiếp tục tạm giữ Biển số xe 51U6-4103 phục vụ công tác truy tố, xét xử là phù hợp.

Tổng giá trị tài sản K trộm cắp cùng với T1 và K1 trong 04 vụ trộm cắp là: 60.284.000 đồng. Tổng giá trị tài sản mà T1 cùng K lấy trộm trong 03 vụ trộm là: 46.498.000 đồng. Tổng giá trị tài sản K1 cùng K trộm cắp trong 01 vụ trộm là: 13.786.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 30/CT-VKSKV5 ngày 25/12/2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5-Vĩnh Long đã truy tố bị cáo Lê Hoàng K, về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; bị cáo Kha Nhựt T1 và Nguyễn Nhựt K1, về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Phong P1 về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố. Các bị cáo không khiếu nại các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng.

Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung cáo trạng và đề nghị:

Về hình phạt chính:

1.1 Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Lê Hoàng K 02 năm 6 tháng đến 03 năm 6 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

1.2 Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Kha Nhựt T1 từ 01 năm 6 tháng đến 02 năm 6 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

1.3 Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Nhựt K1 từ 09 tháng đến 01 năm 6 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

1.4 Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Phong P1 từ 04 đến 08 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Về hình phạt bổ sung: đề nghị không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự, biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng, ghi nhận:

Lưu hồ sơ vụ án 01 đoạn dữ liệu camera ghi lại hình ảnh T1 và K lấy trộm xe của anh D; 01 đoạn dữ liệu camera ghi lại hình ảnh T1 và K lấy trộm xe Việt; 01 đoạn dữ liệu camera ghi lại hình ảnh T1 và K lấy trộm xe của chị H2;

Tịch thu tiêu hủy: Biển số xe 71C2- 706.75; sim số 0358463585; 01 mô lách bằng kim loại đã qua sử dụng có chiều dài 25cm; Biển số xe 51U6-4103.

Ghi nhận: Cơ quan điều tra đã trả 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter; không gắn biển số và 01 Giấy đăng ký xe mô tô Biển số 71B2-802.38 cho bị hại Đoàn Quốc V. Anh V đã nhận lại xe và không yêu cầu T1, K bồi thường gì thêm; trả 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda, loại Airblade, không gắn biển số; 01 cái chậu kiếng; 01 con chim cu cho bị hại Phạm Hoàng D1. Bị hại Phạm Hoàng D1 đã nhận lại các tài sản bị mất và không yêu cầu K, K1 bồi thường gì thêm.

Buộc bị cáo T1 và bị cáo K trả lại số tiền 1.800.000 đồng anh Huỳnh Thanh G đã mua xe của các bị cáo; bồi thường cho chị Trần Thị Mỹ H2 số tiền 25.666.000 đồng.

Tịch thu nộp Ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax màu xanh xám; số máy: MWHH2VN/A; số sê ri F2LZW3HPN70W; của Nguyễn Phong P1.

Buộc Nguyễn Phong P1 giao nộp số tiền thu lợi bất chính 6.500.000 đồng để nộp Ngân sách nhà nước.

Các bị cáo nói lời sau cùng: các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt nhưng trong quá trình điều tra, họ đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng, sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến

hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp quy định tại Điều 292; Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của những người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, đủ cơ sở xác định: vào các ngày 18/7/2025, 24/7/2025, 21/8/2025, trên địa bàn phường B và xã G, tỉnh Vĩnh Long, Lê Hoàng K cùng với Kha Nhựt T1 thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản. Ngoài ra, ngày 29/8/2025, trên địa bàn phường B, tỉnh Vĩnh Long, Lê Hoàng K cùng với Nguyễn Nhựt K1 thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản, bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Cụ thể:

Vụ 1: Khoảng 01 giờ 05 phút, ngày 18/7/2025, tại Khu phố B, phường B, tỉnh Vĩnh Long, Kha Nhựt T1 và Lê Hoàng K trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Winner, Biển số 71C3-357.69 của Lê D trị giá 14.666.000 đồng.

Vụ 2: Khoảng 02 giờ 30 phút, ngày 24/7/2025, tại ấp Q, xã G, tỉnh Vĩnh Long, Kha Nhựt T1 và Lê Hoàng K trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter, Biển số 71B2-802.38 của Đoàn Quốc V trị giá 6.166.000 đồng.

Vụ 3: Khoảng 00 giờ 05 phút, ngày 21 tháng 8 năm 2025, tại ấp P, xã G, tỉnh Vĩnh Long, Kha Nhựt T1 và Lê Hoàng K trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Vision, Biển số 71AB-033.11 của chị Trần Thị Mỹ H2 trị giá 25.666.000 đồng rồi đem bán cho Nguyễn Phong P1, mặc dù P1 biết xe trên do trộm cắp mà có nhưng P1 vẫn mua với giá 6.000.000 đồng.

Vụ 4: Khoảng 15 giờ 05 phút, ngày 29/8/2025, tại khu phố M, phường B, tỉnh Vĩnh Long, Lê Hoàng K và Nguyễn Nhựt K1 trộm cắp hai vỏ chai nước hoa, một con chim cu, một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Airblade, Biển số 71B2- 763.79 và một cái chậu kiềng của Phạm Hoàng D1, trị giá 13.786.000 đồng.

Như vậy, tổng giá trị tài sản K cùng với T1, K1 trộm cắp 04 vụ là: 60.284.000 đồng, T1 cùng với K trộm cắp 03 vụ là 46.498.000 đồng và K1 cùng với K trộm cắp 01 vụ là 13.786.000 đồng.

[3] Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, các bị cáo nhận biết rõ hành vi của mình bị pháp luật cấm nhưng xuất phát từ động cơ tư lợi bất chính, các bị cáo K, T1 đã 3 lần cố ý lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại, giá trị tài sản chiếm đoạt mỗi lần là trên 2.000.000 đồng; K, K1 đã 1 lần cố ý lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại, giá trị tài sản chiếm đoạt mỗi lần là trên 2.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản K cùng với T1, K1 trộm 04 vụ là 60.284.000 đồng, T1 cùng với K trộm 03 vụ là 46.498.000 đồng và K1 cùng với K trộm 01 vụ trộm là 13.786.000 đồng. Bị cáo P1 mặc dù biết tài sản mà bị cáo K bán là trộm cắp mà có nhưng bị cáo vẫn đồng ý mua. Vì vậy, Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân Khu vực 5-Vĩnh Long truy tố Lê Hoàng K, về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; bị cáo Kha Nhựt T1 và Nguyễn Nhựt K1, về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Phong

P1 về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng luật định.

[4] Các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, lợi dụng chủ sở hữu thiếu cảnh giác trong việc quản lý tài sản đã thực hiện hành vi phạm tội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có tạo điều kiện cho tội phạm khác có nơi để tiêu thụ các tài sản do phạm tội mà có, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn nơi các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, gây ra tâm lý lo sợ cho quần chúng nhân dân trong lao động, trong sinh hoạt hàng ngày.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Lê Hoàng K, Nguyễn Nhật K1 có nhân thân xấu, bị cáo K, bị cáo K1 mỗi người có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo Kha Nhật T1, Nguyễn Phong P1 có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo K phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” và “Tái phạm” theo quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; bị cáo T1 phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; bị cáo K1 phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; bị cáo P2 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: “Người phạm tội thành khẩn khai báo” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; ngoài ra bị cáo P1 còn được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ “phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn”, “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”, “Có nghĩa vụ nuôi con chưa thành niên dưới 15 tuổi” và “Có bà nội được Nhà nước tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhì” theo quy định tại các điểm h, i khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về vai trò đồng phạm: Trong vụ án này, các bị cáo đồng phạm giản đơn, bị cáo K là người đề xuất, rủ rê và tham gia 04 vụ, bị cáo T1 tham gia với vai trò người thực hành 03 vụ, bị cáo K1 tham gia với vai trò người thực hành 01 vụ nên cần cân nhắc xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi bị cáo gây ra, xét thấy cần cách ly các bị cáo K, T1, K1, P1 ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: do các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên việc áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là không cần thiết.

[7] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Lưu hồ sơ vụ án 01 đoạn dữ liệu camera ghi lại hình ảnh T1 và K lấy trộm xe của anh D; 01 đoạn dữ liệu camera ghi lại hình ảnh T1 và K lấy trộm xe Việt; 01 đoạn dữ liệu camera ghi lại hình ảnh T1 và K lấy trộm xe của chị H2;

Tịch thu tiêu hủy: Biển số xe 71C2- 706.75; sim số 0358463585; 01 mô lách bằng kim loại đã qua sử dụng có chiều dài 25cm; Biển số xe 51U6-4103 không còn giá trị sử dụng.

Ghi nhận: Cơ quan điều tra đã trả 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter; không gắn biển số và 01 Giấy đăng ký xe mô tô Biển số 71B2-802.38 cho bị hại Đoàn Quốc V. Anh V đã nhận lại xe và không yêu cầu T1, K bồi thường gì thêm; trả 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda, loại Airblade, không gắn biển số; 01 cái chậu kiếng; 01 con chim cu cho bị hại Phạm Hoàng D1. Bị hại Phạm Hoàng D1 đã nhận lại các tài sản bị mất và không yêu cầu K, K1 bồi thường gì thêm.

Tịch thu nộp Ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax màu xanh xám; số máy: MWHH2VN/A; số sê ri F2LZW3HPN70W của Nguyễn Phong P1 dùng vào việc phạm tội.

Bị cáo Nguyễn Phong P1 dùng số tiền 6.000.000 đồng mua xe do các bị cáo trộm cắp mà có sau đó bị cáo P1 bán lại cho người khác giá 6.500.000 đồng để thu lợi bất chính 500.000 đồng nên buộc bị cáo P1 giao nộp số tiền thu lợi bất chính 500.000 đồng để nộp Ngân sách nhà nước.

Buộc bị cáo T1 và bị cáo K liên đới trả lại cho ông Huỳnh Thanh G số tiền số tiền 1.800.000 đồng đã bỏ ra để mua xe của các bị cáo nhưng đã bị thu hồi trả lại cho chủ sở hữu, trong đó phần mỗi bị cáo là $\frac{1}{2}$.

[8] Về trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo T1 và bị cáo K liên đới bồi thường cho chị Trần Thị Mỹ H2 số tiền 25.666.000 đồng trong đó phần mỗi bị cáo là $\frac{1}{2}$. Ghi nhận các bị hại khác không yêu cầu bồi thường.

[9] Đối với nhà của ông Ngô Minh H3 là nơi T1 cất giấu xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Winer, Biển số 71C3-357.69 lấy trộm của bị hại Lê D nhưng ông H3 không biết xe trên do T1 trộm cắp, quá trình điều tra T1 khai nhận không nói ông H3 biết. Đồng thời khi T1 mua Biển số xe 71C2- 706.75 tại nhà ông H3, T1 nói mua để lấy khung sắt nên Cơ quan có thẩm quyền không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông H3 là phù hợp.

Đối với Huỳnh Thanh G là người mua xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter, Biển số 71B2-802.38 do Lê Hoàng K bán nhưng G không biết xe trên do K trộm cắp mà có nên Cơ quan có thẩm quyền không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông G là phù hợp.

Đối với Lê Hoàng K2 được P1 thuê làm chìa khóa xe mô tô Vision, Biển số 71AB-033.11 nhưng K2 không biết xe này P1 mua do phạm tội mà có nên Cơ quan có thẩm quyền không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông K2 là phù hợp.

Đối với Đỗ Hoàng S1, lúc K đến nhờ S1 bán xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Airblade, Biển số 71B1-763.79 nhưng S1 không biết xe trên do K lấy trộm mà có nên Cơ quan có thẩm quyền không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông S1 là phù hợp.

Đối với nhà Dương Quốc H4 là nơi K1 gửi cái chậu kiếng và nhà Lương Văn T4 là nơi K1 gửi con chim cu đã lấy trộm nhưng ông H4 và ông T4 đều không biết tài sản trên do K1 trộm cắp mà có nên Cơ quan có thẩm quyền không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông S1 là phù hợp.

Kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh người tên L3 (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) đã bán xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Airblade, Biển số 71B2- 763.79 để xử lý theo quy định.

[10] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, hình phạt xử lý vật chứng, các biện pháp tư pháp và trách nhiệm dân sự là phù hợp nên được chấp nhận.

[11] Về án phí hình sự sơ thẩm các bị cáo bị kết án và có nghĩa vụ phải thực hiện nên phải chịu theo quy định của Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lê Hoàng K, Kha Nhựt T1; Nguyễn Nhựt K1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo Nguyễn Phong P1 phạm tội “Tiêu thu tài sản do người khác phạm tội mà có”.

1.1 Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Lê Hoàng K 02 (hai) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/9/2025.

1.2 Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Kha Nhựt T1 01 (một) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/9/2025.

1.3 Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Nhựt K1 9 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/9/2025.

1.4 Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Phong P1 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Lưu hồ sơ vụ án 01 đoạn dữ liệu camera ghi lại hình ảnh T1 và K lấy trộm xe của anh D; 01 đoạn dữ liệu camera ghi lại hình ảnh T1 và K lấy trộm xe Việt; 01 đoạn dữ liệu camera ghi lại hình ảnh T1 và K lấy trộm xe của chị H2;

Tịch thu tiêu hủy: Biển số xe 71C2- 706.75; sim điện thoại số 0358463585; 01 mỏ lách bằng kim loại đã qua sử dụng có chiều dài 25cm; Biển số xe 51U6-4103.

Tịch thu nộp Ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax màu xanh xám; số máy: MWHH2VN/A; số sê ri F2LZW3HPN70W của Nguyễn Phong P1.

Buộc bị cáo Nguyễn Phong P1 giao nộp số tiền thu lợi bất chính 500.000 (năm trăm nghìn) đồng để nộp Ngân sách Nhà nước.

(Vật chứng hiện Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5-Vĩnh Long quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/01/2026).

3. Về trách nhiệm dân sự, áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo Lê Hoàng K, Kha Nhựt T1 liên đới trả lại số tiền 1.800.000 (một triệu tám trăm nghìn) đồng ông Huỳnh Thanh G, trong đó phần của mỗi bị cáo là $\frac{1}{2}$.

Buộc bị cáo Lê Hoàng K, Kha Nhựt T1 liên đới bồi thường cho chị Trần Thị Mỹ H2 số tiền 25.666.000 (hai mươi lăm triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn) đồng, trong đó phần của mỗi bị cáo là $\frac{1}{2}$.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền chưa được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 12; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Lê Hoàng K, Kha Nhựt T1; Nguyễn Nhựt K1; Nguyễn Phong P1 nộp án phí hình sự sơ thẩm mỗi người 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Bị cáo Lê Hoàng K, Kha Nhựt T1 liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm 1.373.300 (một triệu ba trăm bảy mươi ba nghìn ba trăm) đồng, trong đó phần của mỗi bị cáo là $\frac{1}{2}$.

5. Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long (1b);
- VKSND tỉnh Vĩnh Long (1b);
- VKSND KV5-Vĩnh Long (1b);
- Cơ quan điều tra CA tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Phòng THA dân sự KV5-Vĩnh Long (1b);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh Vĩnh Long (1b);
- UBND P. Phú Khương, Sơn Đông (2b);
- UBND xã Phước Mỹ Trung, xã Phú Túc (2b);
- Bị cáo, NTGTT (12b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (9b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Văn Trình